

Số: /BT-PTP

TP. Lào Cai, ngày tháng 7 năm 2023

BẢN TIN PHÁP LUẬT
(Tuần 27)

Thực hiện Chương trình công tác về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023 trên địa bàn thành phố Lào Cai. Phòng Tư pháp thành phố Lào Cai tổng hợp một số nội dung các văn bản mới được các cơ quan nhà nước cấp trên ban hành, cụ thể như sau:

I. 05 luật mới có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2023

1. Thành lập Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn:

Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở 2022 quy định về nội dung, cách thức thực hiện, triển khai dân chủ ở từng cơ sở xã, phường, thị trấn.

Với mục tiêu nhằm phát huy quyền làm chủ trong nhân dân, để Nhân dân được thông tin, thể hiện ý chí, nguyện vọng, chính kiến của mình thông qua việc thảo luận, tham gia ý kiến, quyết định và kiểm tra, giám sát các vấn đề ở cơ sở theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

Một trong những nhiệm vụ quan trọng của việc thực hiện dân chủ ở cơ sở sẽ là nâng cao, phát huy việc thực hiện dân chủ của mọi công dân đối với công việc chung ngay tại xã, phường, thị trấn nơi mình đang sống.

Nhằm cụ thể mục tiêu trên, tại Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở 2022 có yêu cầu tại mỗi xã phường, thị trấn phải thành lập Ban Thanh tra nhân dân.

Nhiệm vụ của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn là thực hiện kiểm tra, giám sát các hoạt động về thực hiện dân chủ, kiến nghị xử lý các vi phạm, tiếp nhận các kiến nghị, phản ánh về hoạt động thực hiện dân chủ ở địa phương, trực tiếp xem xét xác minh thông tin phản ánh.

Xem thông tin chi tiết tại Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở 2022 có hiệu lực từ ngày 01/7/2023.

2. Mở rộng thêm các đối tượng và hành vi nguy hiểm là bạo lực gia đình:

Luật Phòng, chống bạo lực gia đình 2022 đã tăng thêm số lượng các điều trong nội dung, đồng thời cũng có nhiều thay đổi để phòng chống các hành vi bạo lực gia đình mới được xuất hiện một cách hiệu quả hơn. Theo đó, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình 2022 đã mở rộng thêm các đối tượng điều chỉnh của luật.

Trước đây, Luật phòng, chống bạo lực gia đình 2007 chỉ hướng tới mối quan hệ giữa vợ chồng, cha mẹ và con cái trong mối quan hệ gia đình, hoặc đã ly hôn hay sống chung như vợ chồng.

Nhưng tới nay đã mở rộng sang tới mối quan hệ anh chị em của người đã ly hôn, người sống chung như vợ chồng, hay với những người từng là bố mẹ nuôi và con nuôi.

Đồng thời cũng đưa thêm nhiều hành vi là bạo lực gia đình để phù hợp với tình hình mới, có thể kể tới như:

- Cưỡng ép chứng kiến bạo lực đối với người, con vật nhằm gây áp lực thường xuyên về tâm lý;

- Bỏ mặc, không quan tâm; không nuôi dưỡng, chăm sóc thành viên gia đình là trẻ em, phụ nữ mang thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, người cao tuổi, người khuyết tật, người không có khả năng tự chăm sóc; không giáo dục thành viên gia đình là trẻ em;

- Kỳ thị, phân biệt đối xử về hình thể, giới, giới tính, năng lực của thành viên gia đình;

- Cường ép trình diễn hành vi khiêu dâm; cưỡng ép nghe âm thanh, xem hình ảnh, đọc nội dung khiêu dâm, kích thích bạo lực;

- Cô lập, giam cầm thành viên gia đình.

Xem các quy định chi tiết tại Luật Phòng, chống bạo lực gia đình 2022 có hiệu lực từ 01/7/2023.

3. Bổ sung chính sách ưu đãi đặc biệt với các lô, mỏ dầu khí để thu hút đầu tư:

Luật Dầu khí 2022 được thông qua với nhiều điểm mới, với mục tiêu sẽ phát triển ngành dầu khí Việt Nam nhiều hơn trong thời gian tới, tạo thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp khai thác, tạo ra nguồn lợi lớn cho ngân sách.

Các điểm mới đáng chú ý có trong Luật Dầu khí 2022 có thể kể tới như sau:

- Bổ sung chính sách ưu đãi đặc biệt áp dụng đối với các lô, mỏ dầu khí của một số doanh nghiệp:

- + Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%

- + Thuế suất thuế xuất khẩu dầu thô là 5%

- + Mức thu hồi chi phí tối đa 80% sản lượng dầu khí khai thác được trong năm.

- Bổ sung chính sách về khai thác tài nguyên đối với mỏ dầu khí khai thác tận thu nhằm tạo cơ chế đột phá, mang lại nguồn thu cho ngân sách nhà nước:

- + Cho phép việc khai thác tận thu mỏ, cụm mỏ, lô dầu khí từ nhà thầu khi hợp đồng dầu khí hết thời hạn.

- + Có thêm các chính sách khai thác tài nguyên đối với mỏ, cụm mỏ, lô dầu khí khai thác tận thu.

- Bổ sung, hoàn thiện quy định về công tác kế toán, kiểm toán, quyết toán và xử lý chi phí trong hoạt động dầu khí phù hợp với đặc thù của hoạt động dầu khí và thông lệ công nghiệp dầu khí quốc tế.

- Tăng cường việc thực hiện phân cấp cho Bộ Tài chính, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, cho phép Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các công ty thành viên, công ty trực thuộc chủ động hơn trong việc sử dụng nguồn vốn vào trong việc khai thác dầu khí.

- Hoàn thiện các quy định về hợp đồng dầu khí, giúp tạo tinh liên mạch, nhanh chóng trong việc ký kết hợp đồng, từ đó tạo thuận lợi cho nhà đầu tư.

Xem chi tiết tại Luật Dầu khí 2022 có hiệu lực từ ngày 01/7/2023.

4. Quy định về thời hạn ký ban hành kết luận thanh tra:

Luật Thanh tra 2022 được Quốc hội thông qua với nhiều đổi mới, nhằm giúp hoạt động thanh tra hiệu quả hơn:

- Phát hiện hạn chế, bất cập trong cơ chế quản lý, chính sách, pháp luật để kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền có giải pháp, biện pháp khắc phục;

- Đẩy mạnh việc phòng ngừa, phát hiện và xử lý hành vi vi phạm pháp luật; giúp cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện đúng quy định của pháp luật; phát huy nhân tố tích cực;

- Giúp góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước; bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Một trong các điểm mới đáng chú ý là để hạn chế và khắc phục tình trạng đùn đẩy trách nhiệm ra quyết định thanh tra, tại Luật Thanh tra 2022 đã quy định cụ thể về thời hạn ký ban hành kết luận thanh tra.

Theo đó, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo kết luận thanh tra, người ra quyết định thanh tra ký ban hành kết luận thanh tra và chịu trách nhiệm về kết luận, kiến nghị của mình.

Ngoài ra, Luật Thanh tra 2022 còn có nhiều điểm mới nổi bật khác như:

- Quy định về các trường hợp, điều kiện để Tổng cục, Cục thuộc Bộ được thành lập cơ quan thanh tra chuyên ngành.

- Tăng cường mối liên hệ, trách nhiệm phối hợp giữa các hoạt động thanh tra, kiểm toán, điều tra trong các công tác.

Xem chi tiết tại Luật Thanh tra 2022 có hiệu lực từ 01/7/2023.

5. Điều kiện tham gia đấu giá, thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện:

Nhằm khắc phục một số vướng mắc, khó khăn, chưa phù hợp trong việc triển khai Luật Tần số vô tuyến điện 2009, Quốc hội đã ban hành Luật sửa đổi, bổ sung Luật Tần số vô tuyến điện 2022. Theo đó, điểm đáng chú ý của Luật sửa đổi, bổ sung Luật Tần số vô tuyến điện 2022 là việc bổ sung điều kiện để được tham gia đấu giá, thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện và cam kết triển khai mạng viễn thông, cụ thể:

- Có đủ điều kiện sau:

+ Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm

+ Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện hoặc có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi đối với trường hợp đặc biệt quy định

+ Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ;

+ Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết khiếu nại có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện;

- Có đủ điều kiện được cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông sử dụng băng tần, kênh tần số tương ứng với băng tần, kênh tần số được đấu giá, thi tuyển theo quy định của pháp luật về viễn thông;

- Đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính về viễn thông, tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật;

- Có cam kết triển khai mạng viễn thông

+ Tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới hoặc số lượng trạm phát sóng vô tuyến điện phải triển khai;

+ Vùng phủ sóng tính theo dân số hoặc theo khu vực địa lý;

+ Thời điểm chính thức cung cấp dịch vụ viễn thông tính từ thời điểm cấp phép;

+ Chất lượng dịch vụ viễn thông;

+ Chuyển vùng dịch vụ viễn thông.

Đồng thời, tại Luật sửa đổi, bổ sung Luật Tần số vô tuyến điện 2022 cũng có nhiều điểm mới khác như:

- Cho phép được sử dụng tần số vô tuyến điện ngoài quy hoạch.

- Quy định về việc được phép ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện theo đề nghị của tổ chức, cá nhân.

Xem chi tiết nội dung tại Luật sửa đổi, bổ sung Luật Tần số vô tuyến điện 2022 có hiệu lực từ 01/7/2023.

II. Những chính sách mới có hiệu lực từ đầu tháng 7/2023

1. Tăng mức lương cơ sở từ ngày 01/7/2023:

Ngày 14/5/2023, Chính phủ ban hành Nghị định 24/2023/NĐ-CP quy định về mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. Theo đó, mức lương cơ sở mới áp dụng từ ngày 01/7/2023 là 1.800.000 đồng/tháng.

- Tính mức lương trong các bảng lương, mức phụ cấp và thực hiện các chế độ khác theo quy định của pháp luật đối với các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định 24/2023/NĐ-CP;

- Tính mức hoạt động phí, sinh hoạt phí theo quy định của pháp luật;

- Tính các khoản trích và các chế độ được hưởng theo mức lương cơ sở.

(Trong khi đó tại Nghị định 38/2019/NĐ-CP thì mức lương cơ sở được quy định là 1.490.000 đồng/tháng.)

2. Quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân bắt đầu có hiệu lực từ 01/7/2023:

Từ ngày 01/7/2023, Nghị định 13/2023/NĐ-CP bảo vệ dữ liệu cá nhân bắt đầu có hiệu lực thi hành. Theo đó, việc bảo vệ dữ liệu cá nhân được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

- Dữ liệu cá nhân được xử lý theo quy định của pháp luật.

- Chủ thể dữ liệu được biết về hoạt động liên quan tới xử lý dữ liệu cá nhân của mình, trừ trường hợp luật có quy định khác.

- Dữ liệu cá nhân chỉ được xử lý đúng với mục đích đã được Bên Kiểm soát dữ liệu cá nhân, Bên Xử lý dữ liệu cá nhân, Bên Kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân, Bên thứ ba đăng ký, tuyên bố về xử lý dữ liệu cá nhân.

- Dữ liệu cá nhân thu thập phải phù hợp và giới hạn trong phạm vi, mục đích cần xử lý.

Dữ liệu cá nhân không được mua, bán dưới mọi hình thức, trừ trường hợp luật có quy định khác.

- Dữ liệu cá nhân được cập nhật, bổ sung phù hợp với mục đích xử lý.

- Dữ liệu cá nhân được áp dụng các biện pháp bảo vệ, bảo mật trong quá trình xử lý, bao gồm cả việc bảo vệ trước các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân và phòng, chống sự mất mát, phá hủy hoặc thiệt hại do sự cố, sử dụng các biện pháp kỹ thuật.

- Dữ liệu cá nhân chỉ được lưu trữ trong khoảng thời gian phù hợp với mục đích xử lý dữ liệu, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Bên Kiểm soát dữ liệu, Bên Kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân phải chịu trách nhiệm tuân thủ các nguyên tắc xử lý dữ liệu được quy định nêu trên và chứng minh sự tuân thủ của mình với các nguyên tắc xử lý dữ liệu đó.

3. Sửa đổi 23 biểu mẫu trong đăng ký hộ kinh doanh:

Thông tư 02/2023/TT-BKHĐT sửa đổi Thông tư 01/2021/TT-BKHĐT hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp bắt đầu có hiệu lực từ ngày 01/7/2023. Theo đó, sửa đổi 23 biểu mẫu trong đăng ký hộ kinh doanh, đơn cử như:

- Giấy đề nghị đăng ký hộ kinh doanh.

- Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh.
- Thông báo thay đổi chủ hộ kinh doanh.
- Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh.
- Thông báo về việc chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh.
- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.
- Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hộ kinh doanh trong hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.
- Thông báo về cơ quan thuế quản lý trực tiếp hộ kinh doanh.
- Thông báo về mã số thuế và cơ quan thuế quản lý trực tiếp địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh.

4. Quy định mới về chuyển quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ:

Nội dung đề cập tại Thông tư 30/2023/TT-BTC hướng dẫn việc đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu, thanh toán giao dịch và tổ chức thị trường giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước có hiệu lực từ ngày 01/7/2023. Theo đó, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (viết tắt là VSDC) thực hiện chuyển quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ đối với các trường hợp theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 15 Nghị định 153/2020/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 12 Điều 1 Nghị định 65/2022/NĐ-CP và quy định sau đây:

VSDC thực hiện chuyển quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ đã đăng ký tại VSDC không thực hiện qua hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ đối với các trường hợp sau:

- Tặng cho, thừa kế trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định của Bộ luật Dân sự.
- Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp; tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập; giải thể doanh nghiệp, giải thể hộ kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định khác có liên quan.
- Chuyển quyền sở hữu theo bản án, quyết định của tòa án, quyết định của trọng tài hoặc quyết định của cơ quan thi hành án.
- Chuyển quyền sở hữu do xử lý tài sản bảo đảm là trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ đã đăng ký tại VSDC và thực hiện phong tỏa theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 23 Thông tư 119/2020/TT-BTC.
- Chuyển quyền sở hữu do xử lý tài sản bảo đảm là trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ đã đăng ký tại VSDC và thực hiện phong tỏa theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 23 Thông tư 119/2020/TT-BTC.
- Chuyển quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ do phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân theo quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình.
- Chuyển quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ khi thực hiện chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể quỹ đầu tư chứng khoán; thành lập, tăng vốn điều lệ công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ; tăng, giảm vốn điều lệ quỹ thành viên; quỹ trả bằng trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trong hoạt động mua bán lại của quỹ mở.
- Chuyển quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ phát sinh khi doanh nghiệp phát hành thực hiện theo quy định tại Điều 1 Nghị định 08/2023/NĐ-CP.

III. Những chính sách mới ban hành

1. Tăng cường chỉ đạo công tác tuyển sinh, đào tạo trong GDNN năm 2023:

Vừa qua, Bộ LĐ-TB&XH ban hành Công văn 2311/LĐTBXH-TCGDNN năm 2023 về tăng cường chỉ đạo công tác tuyển sinh, đào tạo các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp (GDNN) năm 2023.

Thực hiện Chỉ thị 17/CT-TTg ngày 29/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường chỉ đạo, phối hợp tổ chức kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông và tuyển sinh đại học, giáo dục nghề nghiệp năm 2023;

Để đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ tuyển sinh, đào tạo năm 2023, Bộ LĐTB-XH đề nghị UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tăng cường chỉ đạo các Sở, ban, ngành, các cơ sở GDNN trên địa bàn thực hiện một số nội dung sau:

- Tiếp tục chủ động đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tư vấn tuyển sinh các cấp trình độ trong giáo dục nghề nghiệp bằng nhiều hình thức để tiếp cận, cung cấp đầy đủ thông tin đến mọi đối tượng người học;

Chuẩn bị tốt các điều kiện để thực hiện tuyển sinh; xây dựng kế hoạch, phối hợp tổ chức ngày hội tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp, phân luồng học sinh vào giáo dục nghề nghiệp.

- Tăng cường tuyển sinh, tổ chức đào tạo các chương trình chất lượng cao, đào tạo thường xuyên, chú trọng đào tạo, đào tạo lại cho người lao động khu vực miền núi, biên giới, hải đảo nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực lao động có kỹ năng, có tay nghề của doanh nghiệp và thị trường lao động.

- Phối hợp chia sẻ cơ sở dữ liệu về tuyển sinh, tốt nghiệp các bậc học THCS, THPT để các cơ sở giáo dục nghề nghiệp khai thác và phối hợp trong công tác phân luồng, hướng nghiệp và tuyển sinh, đào tạo.

- Tăng cường chỉ đạo việc tổ chức giảng dạy khối lượng văn hóa trung học phổ thông tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn. Kịp thời thông tin, báo cáo về những khó khăn vướng mắc và đề xuất giải pháp tổ chức thực hiện.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động giáo dục nghề nghiệp;

Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo, cập nhật thông tin trên phần mềm cơ sở dữ liệu tại địa chỉ: <http://csdl.gdnn.gov.vn> theo hướng dẫn tại Công văn 2746/TCGDNN-VP ngày 12/12/2022 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;

Báo cáo định kỳ kết quả tuyển sinh theo quy định tại Thông tư 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07/7/2021.

Xem nội dung chi tiết tại Công văn 2311/LĐTBXH-TCGDNN được ban hành ngày 22/6/2023.

2. Triển khai gia hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất trong nước:

Ngày 21/6/2023, Tổng cục Thuế ban hành Công điện 03/CD-TCT chỉ đạo thực hiện gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất, hoặc lắp ráp trong nước.

Theo Công điện, ngày 21/6/2023, Chính phủ đã ban hành Nghị định 36/2023/NĐ-CP quy định về việc gia hạn thời hạn nộp thuế đối với số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp phát sinh của kỳ tính thuế tháng 6, tháng 7, tháng 8 và tháng 9 năm 2023 đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước.

Nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid - 19, Tổng cục Thuế yêu cầu các cục thuế địa phương kịp thời triển khai và tuyên truyền thực hiện gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước theo Nghị định 36/2023/NĐ-CP.

Thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất trong nước

Căn cứ quy định tại Điều 3 Nghị định 36/2023/NĐ-CP, thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp phát sinh của kỳ tính thuế tháng 6, tháng 7, tháng 8 và tháng 9 năm 2023 đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước được gian hạn thời hạn nộp thuế.

Trong đó, thời gian gia hạn kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của pháp luật về quản lý thuế đến hết ngày 20/11/2023.

Cụ thể như sau:

- Thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp phát sinh của kỳ tính thuế tháng 6 năm 2023: Chậm nhất là ngày 20/11/2023.
- Thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp phát sinh của kỳ tính thuế tháng 7 năm 2023: Chậm nhất là ngày 20/11/2023.
- Thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp phát sinh của kỳ tính thuế tháng 8 năm 2023: Chậm nhất là ngày 20/11/2023.
- Thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp phát sinh của kỳ tính thuế tháng 9 năm 2023: Chậm nhất là ngày 20/11/2023.

Thời hạn nộp Giấy đề nghị gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô trong nước là cùng với thời điểm nộp hồ sơ khai thuế tiêu thụ đặc biệt.

Trường hợp nộp một lần cho toàn bộ các kỳ được gia hạn (không nộp cùng với thời điểm nộp hồ sơ khai thuế tiêu thụ đặc biệt) thì hạn chót nộp Giấy đề nghị là ngày 20/11/2023.

Xem chi tiết tại Công điện 03/CĐ-TCT ngày 21/6/2023.

3. Cắt giảm ít nhất 20% thông tin phải khai báo khi thực hiện TTHC online:

Ngày 22/6/2023, Văn phòng Chính phủ ban hành Thông báo 238/TB-VPCP về kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà tại Hội nghị giao ban với các Bộ, ngành về tháo gỡ những vướng mắc khi triển khai Đề án 06.

Để triển khai có hiệu quả Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 06) trong các tháng cuối năm 2023, Phó Thủ tướng đề nghị các Bộ, ngành thực hiện một số nhiệm vụ sau:

- Bám sát 08 nhóm vấn đề, 21 nhiệm vụ cụ thể tại văn bản số 452/TTg-KSTT ngày 23/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ, xây dựng Kế hoạch chi tiết, hường xuyên kiểm tra để kịp thời tháo gỡ các “điểm nghẽn” và giải đáp vướng mắc cho cấp cơ sở.

- Các Bộ, ngành theo thẩm quyền thực hiện rà soát pháp luật, đặc biệt là các cơ chế, chính sách pháp luật liên quan đến quản lý dân cư theo Đề án 06 và đề xuất sửa đổi theo hướng đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin theo hướng dẫn của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ.

- Hoàn thành việc cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, giấy tờ liên quan đến quản lý dân cư theo yêu cầu của Chính phủ tại 19 Nghị quyết chuyên đề; phối hợp chặt chẽ với Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ cho phép xây dựng văn bản theo trình tự thủ tục rút gọn.

- Tập trung chuyển đổi quy trình, thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công từ phương thức truyền thống sang môi trường điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp không phải cung cấp lại các thông tin đã có (hoàn thành trong tháng 9/2023).

- Thực hiện nghiêm việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ trực tuyến, không để tình trạng chậm hoặc để quá hạn giải quyết hồ sơ; rà soát, chuẩn hóa, điện tử hóa mẫu đơn, tờ khai theo hướng cắt giảm tối thiểu 20% thông tin phải khai báo trên cơ sở tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa (hoàn thành trong tháng 6/2023).

- Văn phòng Chính phủ chủ trì, phối hợp với Bộ Công an kiểm tra tình hình triển khai 53 dịch vụ công thiết yếu; phối hợp với các Bộ, ngành đánh giá toàn bộ các dịch vụ công trực tuyến đã được cung cấp trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan mình và tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (hoàn thành trong tháng 9/2023).

- Đối với 02 nhóm thủ tục hành chính liên thông: Các Bộ, cơ quan: Công an, Tư pháp, Y tế, Lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội Việt Nam khẩn trương hoàn thiện phần mềm nghiệp vụ chuyên ngành của cơ quan mình bảo đảm kết nối thông suốt với phần mềm dịch vụ công liên thông (hoàn thành trước ngày 30/6/2023).

Xem chi tiết nhiệm vụ của các Bộ, ngành có liên quan tại Thông báo 238/TB-VPCP ngày 22/6/2023.

4. Định mức kinh tế - kỹ thuật với dịch vụ hỗ trợ về nghiệp vụ thư viện:

Ngày 31/05/2023, Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và du lịch ban hành Thông tư 07/2023/TT-BVHTTDL quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng, định mức kinh tế - kỹ thuật và hướng dẫn cung cấp dịch vụ hỗ trợ về chuyên môn, nghiệp vụ thư viện và dịch vụ hỗ trợ học tập, nghiên cứu. Theo đó, định mức kinh tế - kỹ thuật nghiệp vụ thư viện và dịch vụ hỗ trợ học tập, nghiên cứu gồm các nội dung sau:

(1) Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm:

- Hao phí nhân công: Là thời gian lao động trực tiếp và lao động gián tiếp cần thiết của các cấp bậc lao động bình quân để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ.

Mức hao phí của lao động trực tiếp là thời gian thực hiện các công đoạn theo hướng dẫn triển khai dịch vụ sự nghiệp công, được tính bằng công, mỗi công tương ứng với thời gian làm việc 01 ngày làm việc (8 giờ) của người lao động theo quy định tại Điều 105 của Bộ luật Lao động 2019.

Mức hao phí của lao động gián tiếp tính bằng 15% tỷ lệ phần trăm của lao động trực tiếp tương ứng.

- Hao phí vật liệu sử dụng: Là số lượng các loại vật liệu cụ thể và cần thiết sử dụng trực tiếp để phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

Mức hao phí trong định mức được tính bằng số lượng từng loại vật liệu cụ thể. Mức hao phí vật liệu phụ được tính bằng 10% tổng định mức vật liệu.

- Hao phí về máy móc, thiết bị sử dụng: Là thời gian sử dụng từng loại máy móc, thiết bị để phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

Mức hao phí trong định mức được tính bằng ca sử dụng máy, mỗi ca tương ứng với 1 ngày làm việc (8 giờ) theo quy định tại Điều 105 của Bộ Luật Lao động 2019.

(2) Kết cấu của định mức bao gồm các nội dung sau:

- Tên định mức;

- Thành phần công việc: Là nội dung các công đoạn chính để thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công;

- Bảng định mức, gồm:

+ Định mức nhân công: Chức danh và cấp bậc lao động, đơn vị tính mức hao phí, mức hao phí lao động;

+ Định mức vật liệu sử dụng: Tên và quy cách vật liệu, đơn vị tính mức hao phí, mức hao phí vật liệu;

+ Định mức máy móc, thiết bị sử dụng: Tên loại máy móc hoặc thiết bị, đơn vị tính mức hao phí, mức hao phí sử dụng máy;

+ Trị số định mức: Là giá trị tính bằng số của hao phí nhân công, vật liệu, máy móc, thiết bị sử dụng;

+ Ghi chú: Là nội dung hướng dẫn của định mức trong các trường hợp điều kiện kỹ thuật khác nhau (nếu có) để thực hiện một đơn vị khối lượng công việc nhất định.

Bên cạnh đó, nghiệp vụ thư viện và dịch vụ hỗ trợ học tập, nghiên cứu phải đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng như sau:

(1) Bảo đảm 100% hoạt động dịch vụ được xây dựng chương trình, nội dung thống nhất, cập nhật, kịp thời và khoa học.

(2) Bảo đảm ít nhất 90% người làm công tác thư viện có khả năng nắm bắt, lĩnh hội, cập nhật kiến thức mới trong lĩnh vực thông tin - thư viện, phục vụ hoạt động tác nghiệp chuyên môn nghiệp vụ.

(3) Bảo đảm 80% người làm công tác thư viện sau khi được cung ứng dịch vụ có thể ứng dụng các kiến thức đã được tập huấn, tư vấn trong tác nghiệp trực tiếp hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ thư viện.

Xem chi tiết tại Thông tư 07/2023/TT-BVHTTDL có hiệu lực từ ngày 01/9/2023.

5. Phân công thực hiện di dời các trường đại học ra khỏi nội thành TPHCM:

Phân công thực hiện di dời các trường đại học ra khỏi nội thành TPHCM là nhiệm vụ đáng chú ý tại Quyết định 1819/QĐ-BGDĐT năm về Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 31-NQ/TW năm 2022 về phương hướng, nhiệm vụ phát triển TPHCM đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Theo đó, Bộ GDĐT phân công đơn vị thực hiện Kế hoạch di dời các trường đại học theo quy hoạch ra khỏi khu vực nội thành, sử dụng cơ sở vật chất sau di dời để ưu tiên phát triển nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế của các cơ sở giáo dục đại học như sau:

- Lãnh đạo Bộ phụ trách: Thứ trưởng Phạm Ngọc Thuồng.

- Đơn vị chủ trì thực hiện và báo cáo: Vụ Cơ sở vật chất.

- Cơ quan, đơn vị phối hợp thực hiện: Vụ Giáo dục Đại học, các Bộ ngành liên quan và UBND TPHCM.

- Thời hạn hoàn thành được giao tại Nghị quyết của Chính phủ: Năm 2023.

Phân công thực hiện nhiệm vụ xây dựng TPHCM thành trung tâm quốc tế về giáo dục đào tạo

Đồng thời, Bộ GDĐT phân công đơn vị thực hiện nhiệm vụ liên quan đến Đề án xây dựng TPHCM thành trung tâm quốc tế về giáo dục đào tạo thu hút sinh viên của khu vực và thế giới như sau:

- Lãnh đạo Bộ phụ trách: Thứ trưởng Hoàng Minh Sơn.

- Đơn vị chủ trì thực hiện và báo cáo: Vụ Giáo dục Đại học.

- Cơ quan, đơn vị phối hợp thực hiện: Các đơn vị thuộc Bộ và các Bộ ngành liên quan.

- Thời hạn hoàn thành được giao tại Nghị quyết của Chính phủ: Năm 2023.

Mục đích, yêu cầu về Kế hoạch thực hiện của Bộ GDĐT

- Kế hoạch thực hiện của Bộ GDĐT nhằm cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp thuộc lĩnh vực giáo dục nêu tại Nghị quyết triển khai thực hiện Nghị quyết 87-NQ/CP ngày 02/6/2023 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 31-NQ/TW ngày 30/12/2022 về phương hướng, nhiệm vụ phát triển TPHCM đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Kế hoạch thực hiện của Bộ GDĐT nhằm thể hiện sự lãnh đạo, chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ trong triển khai Nghị quyết của Chính phủ;

Đồng thời xác định rõ nhiệm vụ giao cho các đơn vị chủ trì, phối hợp thực hiện các cơ quan liên quan và đơn vị để triển khai các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực giáo dục được giao tại Nghị quyết đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả.

Xem nội dung chi tiết tại Quyết định 1819/QĐ-BGDĐT có hiệu lực từ ngày 22/6/2023.

6. Mức tạm ứng hợp đồng xây dựng không vượt quá 30% giá trị hợp đồng:

Ngày 20/6/2023, Chính phủ đã ban hành Nghị định 35/2023/NĐ-CP sửa đổi các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng, trong đó có nội dung sửa đổi mức tạm ứng hợp đồng xây dựng. Theo đó, sửa đổi quy định về mức tạm ứng hợp đồng xây dựng như sau:

- Mức tạm ứng hợp đồng không được vượt quá 30% giá trị hợp đồng tại thời điểm ký kết (bao gồm cả dự phòng nếu có), trường hợp cần tạm ứng với mức cao hơn phải được người quyết định đầu tư cho phép.

(trước đây tại Khoản 5 Điều 18 Nghị định 37/2015/NĐ-CP quy định mức tạm ứng hợp đồng không được vượt quá 50% giá trị hợp đồng tại thời điểm ký kết (bao gồm cả dự phòng nếu có)...))

- Đối với dự án mà người quyết định đầu tư là Thủ tướng Chính phủ, việc quyết định mức tạm ứng cao hơn do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Mức tạm ứng, số lần tạm ứng, thời điểm tạm ứng, mức thu hồi tạm ứng qua các lần thanh toán phải được ghi cụ thể trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu hoặc trong dự thảo hợp đồng xây dựng gửi cho bên nhận thầu để bên nhận thầu làm cơ sở tính toán giá dự thầu, giá đề xuất.

Đồng thời, phải được các bên thỏa thuận cụ thể, ghi trong hợp đồng theo đúng quy định pháp luật, phù hợp với tiến độ thực hiện hợp đồng.

Thời điểm được thực hiện tạm ứng hợp đồng xây dựng

Căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định 37/2015/NĐ-CP thì việc tạm ứng hợp đồng chỉ được thực hiện sau khi hợp đồng xây dựng có hiệu lực.

Riêng đối với hợp đồng thi công xây dựng thì phải có cả kế hoạch giải phóng mặt bằng theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng, đồng thời bên giao thầu đã nhận được bảo lãnh tiền tạm ứng (nếu có) tương ứng với giá trị của từng loại tiền mà các bên đã thỏa thuận.

Xem thêm nội dung chi tiết tại Nghị định 35/2023/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 20/6/2023.

7. Hướng dẫn tính lương, phụ cấp công chức, viên chức theo mức lương cơ sở mới từ 01/7/2023:

Ngày 26/6/2023, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư 10/2023/TT-BNV hướng dẫn thực hiện mức lương cơ sở đối với các đối tượng hưởng lương, phụ cấp trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội và hội. Theo đó, tại Thông tư 10/2023/TT-BNV cách tính mức lương, phụ cấp và hoạt động phí cho cán bộ, công chức, viên chức khi tăng lương cơ sở theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP như sau:

(1) Đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 8 và 9 Điều 1 Thông tư 10/2023/TT-BNV:

Căn cứ vào hệ số lương và phụ cấp hiện hưởng quy định tại các văn bản của cơ quan có thẩm quyền của Đảng, Nhà nước về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, mức lương cơ sở quy định tại Nghị định 24/2023/NĐ-CP để tính mức lương, mức phụ cấp và mức tiền của hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có) như sau:

- Công thức tính mức lương:

(Mức lương thực hiện từ ngày 01/7/2023) = (Mức lương cơ sở 1.800.000 đồng/tháng) x (Hệ số lương hiện hưởng)

- Công thức tính mức phụ cấp:

+ Đối với các khoản phụ cấp tính theo mức lương cơ sở:

(Mức phụ cấp thực hiện từ ngày 01/7/2023) = (Mức lương cơ sở 1.800.000 đồng/tháng) x (Hệ số phụ cấp hiện hưởng)

+ Đối với các khoản phụ cấp tính theo % mức lương hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có):

(Mức phụ cấp thực hiện từ ngày 01/7/2023) = (Mức lương thực hiện từ ngày 01/7/2023 + Mức phụ cấp chức vụ lãnh đạo thực hiện từ ngày 01/7/2023 (nếu có) + Mức phụ cấp thâm niên vượt khung thực hiện từ ngày 01/7/2023 (nếu có)) x (Tỷ lệ % phụ cấp được hưởng theo quy định)

+ Đối với các khoản phụ cấp quy định bằng mức tiền cụ thể thì giữ nguyên theo quy định hiện hành.

- Công thức tính mức tiền của hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có):

(Mức tiền của hệ số chênh lệch bảo lưu thực hiện từ ngày 01/7/2023) = (Mức lương cơ sở 1.800.000 đồng/tháng) x (Hệ số chênh lệch bảo lưu hiện hưởng (nếu có))

(2) Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư 10/2023/TT-BNV:

Căn cứ vào hệ số hoạt động phí đối với đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp theo quy định của pháp luật hiện hành để tính mức hoạt động phí theo công thức sau:

(Mức hoạt động phí thực hiện từ ngày 01/7/2023) = (Mức lương cơ sở 1.800.000 đồng/tháng) x (Hệ số hoạt động phí theo quy định)

(3) Đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư 10/2023/TT-BNV:

- Từ ngày 01/7/2023, quỹ phụ cấp được ngân sách nhà nước khoán đối với mỗi cấp xã, mỗi thôn, tổ dân phố quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 2 Nghị định 34/2019/NĐ-CP được tính theo mức lương cơ sở 1.800.000 đồng/tháng.

Việc quy định cụ thể mức phụ cấp đối với các đối tượng này thực hiện theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 2 Nghị định 34/2019/NĐ-CP.

- Từ ngày 01/8/2023, quỹ phụ cấp được ngân sách nhà nước khoán đối với mỗi cấp xã, mỗi thôn, tổ dân phố quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 34 Nghị định 33/2023/NĐ-CP được tính theo mức lương cơ sở 1.800.000 đồng/tháng.

Việc quy định cụ thể mức phụ cấp đối với các đối tượng này thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 34 Nghị định 33/2023/NĐ-CP.

(4) Đối với người làm việc trong tổ chức cơ yếu quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư 10/2023/TT-BNV:

- Người làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an thực hiện theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Bộ trưởng Bộ Công an;

- Người làm việc trong tổ chức cơ yếu trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội (không thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an), thực hiện tính mức lương, mức phụ cấp và mức tiền của hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có) theo cách tính quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư 10/2023/TT-BNV.

Xem thêm Thông tư 10/2023/TT-BNV có hiệu lực từ ngày 01/7/2023, thay thế Thông tư 04/2019/TT-BNV.

8. Những lưu ý về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo Nghị định 26/2023/NĐ-CP:

Tổng cục Hải quan ban hành Công văn 3173/TCHQ-TXNK ngày 21/6/2023 thực hiện Nghị định 26/2023/NĐ-CP và Quyết định 15/2023/QĐ-TTg về biểu thuế, trong đó có một số lưu ý về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.

- Giảm thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với mặt hàng Ethanol thuộc mã hàng 2207.20.11 và 2207.20.19: từ 15% xuống 10%.

- Quy định thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi là 50% cho tất cả các mã hàng thuộc nhóm 24.04 “Sản phẩm chứa lá thuốc lá, thuốc lá hoàn nguyên, nicotin, hoặc các nguyên liệu thay thế lá thuốc lá hoặc các nguyên liệu thay thế nicotin, dùng để hút mà không cần đốt cháy; các sản phẩm chứa nicotin khác dùng để nạp nicotin vào cơ thể con người.” (nhóm hàng mới so với Danh mục AHTN 2017, trong đó có các sản phẩm dùng cho thuốc lá điện tử).

- Giảm thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với các mặt hàng thuộc các mã hàng 2710.12.40, 2710.12.50, 2710.12.60, 2710.12.70, 2710.12.80, 2710.12.91, 2710.12.92, 2710.12.99: từ 20% xuống 10%.

- Giảm thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với mặt hàng thuộc mã hàng 2710.19.90 và mã hàng 2710.20.00: từ 5% xuống 0%.

- Giảm thuế nhập khẩu mặt hàng lớp bằng cao su chưa qua sử dụng dùng cho ô tô khách hoặc ô tô chở hàng thuộc các mã hàng 4011.20.11; 4011.20.12; 4011.20.13; 4011.20.19: từ 25% xuống 20%.

- Xóa bỏ một số mã hàng, nhóm hàng tại Chương 98: 9801.00.00; 9803.00.00; 9804.23; 9804.14 do trùng mô tả với hàng hóa tại 97 Chương.

- Cơ cấu lại danh mục mặt hàng thuộc nhóm 98.21 theo hướng xóa bỏ các mã hàng có mức thuế suất thuế nhập khẩu tại Chương 98 trùng với mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi tại 97 Chương và giữ lại các mã hàng có mức thuế suất 7% tại nhóm 98.21.

- Xóa bỏ mã hàng 9845.10.00 “- Kính tối nhiệt an toàn (là loại kính cường lực (chịu lực cao, độ bền va đập gấp 5-8 lần, độ bền sốc nhiệt gấp 3 lần so với kính

thường)” thuộc mã hàng 7007.11.10; và sửa lại mô tả của mã hàng 9845.20.00 thành “- Kính an toàn, kính dán an toàn (dày từ 6 đến 12 mm/kính dán nhiều lớp để tăng độ bền, có thể hạn chế tia UV), loại dùng cho ô tô tải và ô tô chở khách thuộc nhóm 87.02 và 87.04”

- Xóa bỏ khỏi nhóm 98.49 các mặt hàng lớp bơm hơi đã qua sử dụng thuộc các mã hàng 9849.13.20; 9849.13.31; 9849.13.39; 9849.13.40; 9849.13.51; 9849.13.59.

Xem thêm nội dung tại Công văn 3173/TCHQ-TXNK ngày 21/6/2023.

9. Nội dung kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm:

Ngày 24/6/2023, Chính phủ ban hành Nghị định 38/2023/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 27/2022/NĐ-CP quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó sửa đổi nội dung kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm. Theo đó, Nghị định 38/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung quy định về lập, phê duyệt và giao kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm của cơ quan chủ quản chương trình, đơn cử như:

****Việc lập kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm của cơ quan chủ quản chương trình được thực hiện sau khi Thủ tướng Chính phủ giao mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 5 năm của các chương trình mục tiêu quốc gia.**

****Căn cứ lập kế hoạch:**

- Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 5 năm của bộ, ngành và địa phương.

- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia.

- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ giao mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 5 năm; thông báo của chủ chương trình về mức vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 5 năm của chương trình mục tiêu quốc gia.

- Hướng dẫn xây dựng nội dung, hoạt động thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia của chủ chương trình, chủ dự án thành phần.

****Nội dung kế hoạch của địa phương:**

- Mục tiêu, chỉ tiêu giai đoạn 5 năm; nhiệm vụ cụ thể theo dự án thành phần từng chương trình mục tiêu quốc gia.

- Khả năng huy động vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, gồm: vốn ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương); vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án tại địa phương; vốn tín dụng; vốn huy động hợp pháp khác (nếu có).

- Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương.

- Nội dung, hoạt động, dự kiến mức vốn bố trí, cơ cấu nguồn vốn theo từng hoạt động; danh mục dự án đầu tư (nếu có).

(Trong khi đó tại Nghị định 27/2022/NĐ-CP quy định: Nội dung, hoạt động, dự kiến mức vốn bố trí, cơ cấu nguồn vốn theo từng hoạt động; tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù; danh mục dự án đầu tư ưu tiên (nếu có)).

- Giải pháp huy động nguồn vốn, tổ chức thực hiện.

Xem nội dung chi tiết tại Nghị định 38/2023/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 24/6/2023.

10. Quy định về điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài:

Ngày 20/6/2023, Chính phủ ban hành Nghị định 35/2023/NĐ-CP sửa đổi các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng, trong đó có bổ sung quy định điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài. Theo đó, tại khoản 34 Điều 12 Nghị định 35/2023/NĐ-CP đã bổ sung Điều 104a vào sau Điều 104 Nghị định 15/2021/NĐ-CP về điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài như sau:

- Sau khi được cấp giấy phép hoạt động xây dựng, nếu có những thay đổi về tên, địa chỉ của nhà thầu, thay đổi về thành viên trong liên danh nhà thầu hoặc nhà thầu phụ hoặc các nội dung khác đã ghi trong giấy phép hoạt động xây dựng được cấp, nhà thầu nước ngoài phải nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ đến cơ quan cấp giấy phép hoạt động xây dựng để được xem xét điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng đã cấp. Giấy phép điều chỉnh hoạt động xây dựng được quy định theo Mẫu số 7 Phụ lục III Nghị định 15/2021/NĐ-CP.

- Hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng gồm:

+ Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng được quy định theo Mẫu số 8 Phụ lục III Nghị định 15/2021/NĐ-CP.

+ Các tài liệu chứng minh cho những nội dung đề nghị điều chỉnh. Các tài liệu phải được dịch ra tiếng Việt và được chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Thời gian điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng được thực hiện trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài

Nghị định 35/2023/NĐ-CP sửa đổi thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động xây dựng như sau:

Sở Xây dựng cấp giấy phép hoạt động xây dựng (bao gồm cả giấy phép điều chỉnh) cho nhà thầu nước ngoài thực hiện đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh. Trường hợp dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn của 02 tỉnh trở lên thì cơ quan có thẩm quyền cấp là Sở Xây dựng thuộc địa phương nơi nhà thầu nước ngoài dự kiến đặt văn phòng điều hành.

(Trong khi theo khoản 3 Điều 104 Nghị định 15/2021/NĐ-CP quy định về cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài gồm có:

- Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thực hiện hợp đồng của dự án quan trọng quốc gia, các dự án nhóm A, dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn từ hai tỉnh trở lên;

- Sở Xây dựng có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, nhóm C được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh.)

Nghị định 35/2023/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 20/6/2023.

11. Tăng cường kỷ cương, kỷ luật về chấp hành pháp luật ngân sách nhà nước:

Ngày 23/6/2023, Thủ tướng ban hành Chỉ thị 22/CT-TTg về việc chấn chỉnh, tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong việc chấp hành pháp luật về tài chính - ngân sách Nhà nước. Để tăng cường kỷ cương, kỷ luật về chấp hành pháp luật ngân sách nhà nước, Thủ tướng Chính phủ đã yêu cầu tập trung thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

- (1) Xây dựng, hoàn thiện thể chế;
- (2) Quản lý thu ngân sách nhà nước;
- (3) Quản lý chi ngân sách nhà nước;
- (4) Quản lý viện trợ, vay, trả nợ; kiểm soát nợ công, nợ chính phủ, nợ nước ngoài của quốc gia, nợ của chính quyền địa phương;
- (5) Quản lý, sử dụng tài sản công;
- (6) Công tác lập báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước và báo cáo tài chính nhà nước hằng năm;
- (7) Đôn đốc, kiểm tra, xử lý, công khai, báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị, kết luận của cơ quan Kiểm toán Nhà nước, thanh tra.

Trong đó, về nhiệm vụ quản lý thu ngân sách nhà nước, Bộ Tài chính chủ trì thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức thực hiện nghiêm các quy định của các Luật thuế, Luật quản lý thuế và pháp luật có liên quan, tăng cường công tác quản lý thu phù hợp với từng lĩnh vực, địa bàn, đối tượng thu, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thu vào ngân sách nhà nước; hạch toán, điều tiết các khoản thu của từng cấp ngân sách, từng địa phương theo đúng quy định; không tự đặt ra các khoản thu, không giữ lại hoặc để các khoản thu ngoài ngân sách nhà nước trái với quy định của pháp luật.

- Khẩn trương xử lý theo chế độ quy định các khoản tạm thu, tạm giữ, các khoản thuế đã kê khai nhưng chậm nộp và các khoản đã được các cơ quan kiểm toán, thanh tra phát hiện, kiến nghị thu vào ngân sách nhà nước; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính thuế và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào tất cả các khâu của quy trình quản lý thuế, tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, kiểm tra sau thông quan, công tác phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, tập trung vào những doanh nghiệp, lĩnh vực, mặt hàng trọng điểm có độ rủi ro cao, hoạt động tài chính, ngân hàng, kinh doanh bất động sản, kinh doanh trên nền tảng số,...

- Nâng tỷ lệ doanh nghiệp được thanh tra, kiểm tra thuế; phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp kê khai không đúng (nhất là các khoản thu theo hình thức khoán), gian lận thuế, trốn thuế, chuyển giá; kiểm soát chặt chẽ giá tính thuế, nhất là giá tính thuế trong lĩnh vực hải quan;

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra tài chính đối với các doanh nghiệp thực hiện sắp xếp, tái cơ cấu theo quy định nhằm đánh giá tình hình tài chính, tình hình sử dụng, bảo toàn và tăng trưởng vốn.

- Thực hiện rà soát, đánh giá phân loại nợ thuế; tập trung đôn đốc, cưỡng chế thu ngay các khoản nợ thuế, tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định, không để tình trạng nợ thuế kéo dài, hạn chế phát sinh nợ thuế mới; đẩy nhanh xử lý nợ thuế không còn khả năng thu hồi đã tồn tại nhiều năm.

Xem chi tiết tại Chỉ thị 22/CT-TTg ban hành ngày 23/6/2023.

12. Cải tạo chung cư quy mô nhỏ hơn 02 ha phải lập quy hoạch chi tiết:

Ngày 20/6/2023, Chính phủ ban hành Nghị định 35/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. Theo đó, Nghị định 35/2023/NĐ-CP sửa đổi Khoản 3 Điều 13 Nghị định 69/2021/NĐ-CP về cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư thành:

Trường hợp khu vực thực hiện cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư, khu chung cư có quy mô diện tích đất nhỏ hơn 02 ha thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết theo quy trình rút gọn (gọi là quy trình lập quy hoạch tổng mặt bằng).

Việc lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh, công bố quy hoạch tổng mặt bằng được thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị

(Trước đây quy định cơ quan nhà nước có thẩm quyền không phải lập quy hoạch chi tiết mà thực hiện lập, phê duyệt bản vẽ tổng mặt bằng, phương án kiến trúc công trình theo trình tự, thủ tục lập, thẩm định phê duyệt quy hoạch chi tiết;

Bản vẽ tổng mặt bằng, phương án kiến trúc công trình được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt là cơ sở để triển khai thực hiện các bước tiếp theo của dự án theo quy định của pháp luật xây dựng và pháp luật khác có liên quan).

Lấy ý kiến về việc lập quy hoạch khu vực cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư

Căn cứ Khoản 1 Điều 13 Nghị định 69/2021/NĐ-CP thì việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khu vực cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư được thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và pháp luật về xây dựng.

Trong quá trình lập quy hoạch, cơ quan có thẩm quyền cần phải lấy ý kiến cộng đồng dân cư và các cá nhân có liên quan theo quy định, ngoài ra còn có thể lấy thêm ý kiến của NĐT có nhu cầu tham gia thực hiện dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư để bảo đảm tính khả thi và phù hợp với thực tế.

Xem chi tiết tại Nghị định 35/2023/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 20/6/2023.

13. Đối tượng và điều kiện được vay vốn của Quỹ Hỗ trợ nông dân:

Ngày 24/6/2023, Chính phủ ban hành Nghị định 37/2023/NĐ-CP về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân. Theo đó, đối tượng và điều kiện để được vay vốn của Quỹ Hỗ trợ nông dân như sau:

(1) Đối tượng vay vốn của Quỹ Hỗ trợ nông dân là hội viên Hội nông dân Việt Nam có nhu cầu vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

(2) Điều kiện để được vay vốn của Quỹ Hỗ trợ nông dân:

- Khách hàng vay vốn phải thuộc đối tượng vay vốn trên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật;

- Khách hàng vay vốn được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đang cư trú ở địa phương nơi Quỹ Hỗ trợ nông dân cho vay vốn tại thời điểm đề xuất vay vốn từ Quỹ Hỗ trợ nông dân;

- Mục đích sử dụng vốn vay hợp pháp;

- Phương án vay vốn của khách hàng phải được tập hợp thành phương án chung của nhóm hội viên Hội nông dân cùng sản xuất, kinh doanh một loại hình sản phẩm, trên cùng một địa bàn cấp xã;

- Tại một thời điểm, một khách hàng chỉ được vay vốn tại 01 phương án chung của nhóm hội viên Hội nông dân từ Quỹ Hỗ trợ nông dân;

- Các thành viên trong cùng một hộ gia đình không được phát sinh dư nợ vay tại Quỹ Hỗ trợ nông dân trong cùng một thời điểm;

- Các điều kiện cho vay khác quy định cụ thể tại quy định nội bộ về cho vay và quản lý nợ của Quỹ Hỗ trợ nông dân do Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân các cấp ban hành theo quy định tại Nghị định 37/2023/NĐ-CP.

Thời hạn cho vay của Quỹ Hỗ trợ nông dân

- Thời hạn cho vay đối với phương án của từng khách hàng và phương án chung của nhóm hội viên Hội nông dân Việt Nam tại Quỹ Hỗ trợ nông dân được xác định trên cơ sở khả năng thu hồi vốn, phù hợp với chu kỳ sản xuất kinh doanh, khả năng trả nợ của khách hàng nhưng tối đa không vượt quá 05 năm (không bao gồm thời gian gia hạn nợ).

- Thời gian cho vay cụ thể đối với phương án của từng khách hàng và phương án chung của nhóm hội viên Hội nông dân do Quỹ Hỗ trợ nông dân xem xét, quyết định.

- Tổng thời gian gia hạn nợ tối đa không quá 1/2 thời gian cho vay tại Hợp đồng tín dụng ký kết lần đầu.

Nghị định 37/2023/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 08/8/2023.

14. Giảm 50% lệ phí trước bạ đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước:

Ngày 28/6/2023, Chính phủ ban hành Nghị định 41/2023/NĐ-CP quy định mức thu lệ phí trước bạ đối với ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô và các loại xe tương tự xe ô tô được sản xuất, lắp ráp trong nước. Theo đó, mức thu lệ phí trước bạ lần đầu đối với ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô và các loại xe tương tự xe ô tô được sản xuất, lắp ráp trong nước được chia thành 02 mốc thời gian cụ thể như sau:

(1) Từ ngày 01/07/2023 đến hết ngày 31/12/2023:

- Mức thu lệ phí trước bạ bằng 50% mức thu quy định tại Nghị định 10/2022/NĐ-CP ngày 15/01/2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ.

(Theo Nghị định 10/2022/NĐ-CP thì mức thu lệ phí trước bạ đối với ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô và các loại xe tương tự xe ô tô là 2%)

- Các Nghị quyết hiện hành của Hội đồng nhân dân hoặc Quyết định hiện hành của ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về mức thu lệ phí trước bạ tại địa phương và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

(2) Từ ngày 01/01/2024 trở đi:

- Mức thu lệ phí trước bạ tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị định 10/2022/NĐ-CP ngày 15/01/2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ;

- Các Nghị quyết hiện hành của Hội đồng nhân dân hoặc Quyết định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về mức thu lệ phí trước bạ tại địa phương và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

Xem nội dung chi tiết tại Nghị định 41/2023/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023.

Lần gần nhất Chính phủ quyết định giảm lệ phí là thời gian từ ngày 01/12/2021 đến hết ngày 31/5/2022 theo Nghị định 103/2021/NĐ-CP về mức thu lệ phí trước bạ đối với ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô và các loại xe tương tự xe ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước.

15. Những nhiệm vụ trọng tâm khi triển khai các dự án trọng điểm ngành GTVT:

Vừa qua, Văn phòng Chính phủ ban hành Công văn 4961/VPCP-CN năm 2023 về tình hình triển khai công trình, dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành GTVT. Theo đó, Thủ tướng Phạm Minh Chính có ý kiến chỉ đạo liên quan đến việc triển khai các công trình, dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành GTVT, trong đó lưu ý các mốc thời gian sau:

- Tiếp tục, phối hợp và hướng dẫn các địa phương triển khai các công việc để khởi công 03 dự án đường bộ cao tốc trục Đông - Tây và 02 đường vành đai trước ngày 30/6/2023.

- UBND tỉnh Lạng Sơn đẩy nhanh tiến độ thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Hữu Nghị - Chi Lăng, phần đầu hoàn thành trong tháng 06/2023.

- Các tỉnh, thành phố là cơ quan chủ quản 03 cao tốc trục Đông - Tây (Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột, Biên Hòa - Vũng Tàu, Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng) và 02 đường vành đai (Vành đai 4 Vùng Thủ đô Hà Nội, Vành đai 3 TP.HCM) kiểm soát chặt chẽ tiến độ lựa chọn nhà thầu;

Tập trung, quyết liệt thực hiện giải phóng mặt bằng bảo đảm bàn giao 70% diện tích, đáp ứng yêu cầu khởi công trước ngày 30/6/2023.

Đặc biệt, tỉnh Hưng Yên, Bắc Ninh khẩn trương hoàn thành lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán Dự án thành phần 2.2 và 2.3 đường Vành đai 4 Hà Nội.

- UBND tỉnh Đồng Nai tập trung hoàn thành giải phóng mặt bằng Dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành trong tháng 6/2023, Dự án đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu và đường Vành đai 3 TP.HCM để khởi công trong tháng 6/2023;

Xem xét phê duyệt đơn giá đất để hoàn thành giải phóng mặt bằng Dự án đường Vành đai 3 TP.HCM đoạn Tân Vạn - Nhơn Trạch (Dự án thành phần 1A sử dụng vốn ODA) trong tháng 6/2023.

- Đồng ý bổ sung Dự án đường bộ cao tốc TP.HCM - Mộc Bài vào danh mục các công trình, dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành GTVT.

- Bộ GTVT hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương sơ kết 06 tháng tình hình triển khai các công trình, dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành GTVT và phối hợp với VPCP báo cáo TTCP để họp Ban chỉ đạo đồng thời với tổ chức Hội nghị sơ kết 06 tháng trước ngày 15/7/2023.

Xem chi tiết nội dung tại Công văn 4961/VPCP-CN được ban hành ngày 23/6/2023.

16. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật quản lý, bảo trì đường thủy nội địa:

Ngày 22/6/2023, Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành Thông tư 10/2023/TT-BGTVT ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật quản lý, bảo trì đường thủy nội địa. Theo đó, quy định nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật quản lý, bảo trì đường thủy nội địa như sau:

(1) Định mức kinh tế - kỹ thuật quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa quy định mức hao phí về vật liệu, lao động và máy thi công để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác quản lý, bảo dưỡng từ khâu chuẩn bị đến khâu kết thúc nhằm duy trì trạng thái hoạt động bình thường của đường thủy nội địa.

(2) Định mức kinh tế - kỹ thuật quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa được xác định trên cơ sở các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình quản lý, bảo trì đường thủy nội địa.

(3) Định mức kinh tế - kỹ thuật quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa bao gồm: mã hiệu, tên công tác, đơn vị tính, thành phần công việc, quy định áp dụng (nếu có) và bảng các hao phí định mức; trong đó:

- Thành phần công việc: Quy định nội dung các bước công việc từ khi chuẩn bị đến khi hoàn thành công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa theo tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình quản lý, bảo trì đường thủy nội địa.

- Bảng các hao phí định mức gồm:

+ Mức hao phí vật liệu: Là số lượng vật liệu chính, vật liệu phụ, vật liệu luân chuyển (không kể vật liệu cần dùng cho máy thi công và những vật liệu tính trong chi phí chung) cần thiết cho việc thực hiện và hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa.

Mức hao phí vật liệu đã bao gồm hao hụt vật liệu ở khâu thi công. Mức hao phí vật liệu chính được tính bằng số lượng phù hợp với đơn vị tính của vật liệu.

Mức hao phí vật liệu phụ được tính bằng tỷ lệ % trên chi phí vật liệu chính.

+ Mức hao phí nhân công: Là số ngày công lao động của nhân công trực tiếp và nhân công phục vụ để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa từ khi chuẩn bị đến khi kết thúc.

Mức hao phí nhân công được tính bằng số ngày công theo cấp bậc thợ tương ứng. Cấp bậc thợ quy định trong định mức là cấp bậc bình quân của các công nhân, kỹ sư tham gia trực tiếp và phục vụ để thực hiện một đơn vị khối lượng công tác quản lý, bảo trì đường thủy nội địa.

+ Mức hao phí máy thi công: Là số ca sử dụng phương tiện, máy và thiết bị (gọi tắt là máy) trực tiếp thực hiện, máy phục vụ cần thiết (nếu có) để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa. Mức hao phí máy trực tiếp thực hiện được tính bằng số lượng ca máy sử dụng.

Mức hao phí máy phục vụ được tính bằng tỷ lệ % trên chi phí máy thi công trực tiếp.

Thông tư 10/2023/TT-BGTVT có hiệu lực từ 01/9/2023 và bãi bỏ Thông tư 64/2014/TT-BGTVT ; Thông tư 25/2016/TT-BGTVT.

17. Bộ Y tế hướng dẫn chẩn đoán và điều trị COVID-19:

Ngày 26/6/2023, Bộ Y tế đã ban hành Quyết định 2671/QĐ-BYT về việc hướng dẫn chẩn đoán và điều trị COVID-19. Theo hướng dẫn của Bộ Y tế, triệu chứng lâm sàng của bệnh COVID-19 trải qua 03 giai đoạn với những nội dung đáng chú ý sau:

****Giai đoạn khởi phát:**

- Thời gian ủ bệnh: Từ 2-14 ngày, trung bình từ 5-7 ngày.
- Hiện tại phổ biến ở Việt Nam là chủng Omicron.
- Triệu chứng: Sốt, ho khan, mệt mỏi, đau họng, đau đầu. Một số trường hợp bị nghẹt mũi, chảy nước mũi, mất vị giác và khứu giác, buồn nôn, tiêu chảy, đau bụng...

****Giai đoạn toàn phát:**

- Hô hấp: Ho nhiều hơn, đau ngực, cảm giác ngạt thở, sợ hãi. Khoảng 5-10% người bệnh có thể giảm oxy máu trầm lắng...

- Tuần hoàn: Các triệu chứng thường không đặc hiệu: đau ngực, mệt mỏi, khó thở, ho. Sốc tim: huyết áp tụt, mạch nhanh, rối loạn nhịp, da, đầu chi lạnh, gan to, tĩnh mạch cổ nổi...

- Thận: Người bệnh COVID-19 có bệnh thận từ trước như sỏi thận đường, tăng huyết áp có nguy cơ tăng tỷ lệ tử vong gấp 3 lần so với không có bệnh nền...
- Gan mật: Có thể có vàng da, suy gan, tăng men gan, suy gan cấp, hôn mê gan
- Da: Ngứa, đau/bỏng rát ở da với hình thái bao gồm các ban dạng mề đay, các ban dạng hồng ban, phát ban dạng mụn nước mụn mủ, phát ban giống dạng cước ở đầu ngón tay chân

****Giai đoạn hồi phục:**

- Đối với trường hợp nhẹ và trung bình, sau 7 - 10 ngày, người bệnh hết sốt, toàn trạng khá lên, tổn thương phổi tự hồi phục, có thể gặp mệt mỏi kéo dài.
- Những trường hợp nặng: Biểu hiện lâm sàng kéo dài, hồi phục từ 2 - 3 tuần, mệt mỏi kéo dài đến hàng tháng.
- Những trường hợp nguy kịch có thể phải nằm hồi sức kéo dài nhiều tháng, có thể tiến triển xơ phổi, ảnh hưởng tâm lý, yếu cơ kéo dài.
- Một số trường hợp sau nhiễm SARS-CoV-2, gặp các rối loạn kéo dài: xơ phổi, bệnh lý tự miễn, hội chứng thực bào...

Xem chi tiết hướng dẫn tại Quyết định 2671/QĐ-BYT ban hành ngày 26/6/2023.

18. Nguyên tắc cấp phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi:

Ngày 27/6/2023, Chính phủ ban hành Nghị định 40/2023/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 67/2018/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thủy lợi, trong đó có nguyên tắc cấp phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi. Theo đó, sửa đổi, bổ sung Điều 14 Nghị định 67/2018/NĐ-CP về nguyên tắc cấp phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi như sau:

- Bảo đảm an toàn công trình thủy lợi và công trình được cấp phép, bảo vệ chất lượng nước trong công trình thủy lợi; không ảnh hưởng đến nhiệm vụ của công trình thủy lợi, bảo đảm lợi ích của nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan;

Phù hợp với nguyên tắc sử dụng công trình đa mục tiêu, sử dụng tổng hợp đất đai, quản lý, khai thác, bảo vệ tài nguyên nước theo quy định tại Luật Thủy lợi, Luật Đất đai, Luật Tài nguyên nước và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

- Đúng thẩm quyền, đúng đối tượng và trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

- Đối với nhiều hoạt động thuộc cùng một dự án do tổ chức, cá nhân đầu tư từ giai đoạn xây dựng công trình đến giai đoạn khai thác, sử dụng thuộc thẩm quyền cấp phép của một cơ quan thì cấp một giấy phép.

- Đối với các dự án bảo trì, sửa chữa, nâng cấp, hiện đại hóa hoặc bổ sung hạng mục vào công trình thủy lợi hiện có do chủ sở hữu công trình thủy lợi quyết định chủ trương đầu tư thì không phải xin giấy phép.

(So với Nghị định 67/2018/NĐ-CP thì quy định mới thêm nguyên tắc cấp phép là đối với các dự án bảo trì, sửa chữa, nâng cấp, hiện đại hóa hoặc bổ sung hạng mục vào công trình thủy lợi hiện có do chủ sở hữu công trình thủy lợi quyết định chủ trương đầu tư thì không phải xin giấy phép.

Bên cạnh đó, đối với nhiều hoạt động thuộc cùng một dự án do tổ chức, cá nhân đầu tư từ giai đoạn xây dựng công trình đến giai đoạn khai thác, sử dụng thuộc thẩm quyền cấp phép của một cơ quan thì cấp một giấy phép)

Căn cứ cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi. Theo đó, căn cứ cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi như sau:

- Nhiệm vụ, hiện trạng công trình thủy lợi.
- Quy hoạch thủy lợi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; trường hợp chưa có quy hoạch thủy lợi được duyệt thì căn cứ vào thiết kế của công trình thủy lợi và bảo đảm không ảnh hưởng đến an toàn và vận hành công trình thủy lợi.
- Tình hình thực hiện các quy định trong giấy phép đã cấp của tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép.

(So với Nghị định 67/2018/NĐ-CP thì quy định mới đã không còn căn cứ vào hồ sơ thiết kế của công trình xây dựng và bổ sung thêm một căn cứ cấp giấy phép mới là tình hình thực hiện các quy định trong giấy phép đã cấp của tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép).

Xem chi tiết tại Nghị định 40/2023/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 15/8/2023.

19. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức:

Ngày 03/6/2023, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư 09/2023/TT-BNV quy định định mức kinh tế- kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực Nội vụ về bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Theo đó, có 04 định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức cụ thể như sau:

(1) Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch công chức, gồm có:

- Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch chuyên viên và tương đương quy định tại Phụ lục II kèm theo Thông tư 09/2023/TT-BNV;

- Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch chuyên viên chính và tương đương quy định tại Phụ lục III kèm theo Thông tư 09/2023/TT-BNV;

- Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương quy định tại Phụ lục IV kèm theo Thông tư 09/2023/TT-BNV.

(2) Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Nội vụ áp dụng đối với chuyên ngành Lưu trữ quy định tại Phụ lục V kèm theo Thông tư 09/2023/TT-BNV.

(3) Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý gồm có:

- Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương quy định tại Phụ lục VI kèm theo Thông tư 09/2023/TT-BNV;

- Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý cấp vụ, cấp sở, cấp huyện và tương đương quy định tại Phụ lục VII kèm theo Thông tư 09/2023/TT-BNV.

(4) Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ lĩnh vực Nội vụ quy định tại Phụ lục VIII kèm theo Thông tư 09/2023/TT-BNV.

Thông tư 09/2023/TT-BNV có hiệu lực từ ngày 01/8/2023.

20. Những nhu cầu vốn không được cho vay:

Ngày 28/6/2023, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có Thông tư 06/2023/TT-NHNN sửa đổi Thông tư 39/2016/TT-NHNN về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, trong đó bổ sung những nhu cầu vốn không được cho vay. Theo đó, quy định tổ chức tín dụng không được cho vay đối với các nhu cầu vốn sau đây:

(1) Để thực hiện các hoạt động đầu tư kinh doanh thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư.

(2) Để thanh toán các chi phí, đáp ứng các nhu cầu tài chính của hoạt động đầu tư kinh doanh thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư và các giao dịch, hành vi khác mà pháp luật cấm.

(3) Để mua, sử dụng các hàng hóa, dịch vụ thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư.

(4) Để mua vàng miếng.

(5) Để trả nợ khoản cấp tín dụng tại chính tổ chức tín dụng cho vay, trừ trường hợp cho vay để thanh toán lãi tiền vay phát sinh trong quá trình thi công xây dựng công trình, mà chi phí lãi tiền vay được tính trong tổng mức đầu tư xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

(6) Để trả nợ khoản vay nước ngoài (không bao gồm khoản vay nước ngoài dưới hình thức mua bán hàng hóa trả chậm), khoản cấp tín dụng tại tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp cho vay để trả nợ trước hạn khoản vay đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- + Thời hạn cho vay không vượt quá thời hạn cho vay còn lại của khoản vay cũ;
- + Là khoản vay chưa thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ.

(7) Để gửi tiền. (Bổ sung)

(8) Để thanh toán tiền góp vốn, mua, nhận chuyển nhượng phần vốn góp của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh; góp vốn, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của công ty cổ phần chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom. (Bổ sung)

(9) Để thanh toán tiền góp vốn theo hợp đồng góp vốn, hợp đồng hợp tác đầu tư hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh để thực hiện dự án đầu tư không đủ điều kiện đưa vào kinh doanh theo quy định của pháp luật tại thời điểm tổ chức tín dụng quyết định cho vay. (Bổ sung)

(10) Để bù đắp tài chính, trừ trường hợp khoản vay đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: (Bổ sung)

+ Khách hàng đã ứng vốn của chính khách hàng để thanh toán, chi trả chi phí thực hiện dự án hoạt động kinh doanh, mà các chi phí thực hiện dự án hoạt động kinh doanh này phát sinh dưới 12 tháng tính đến thời điểm tổ chức tín dụng quyết định cho vay;

+ Các chi phí đã thanh toán, chi trả bằng vốn của chính khách hàng nhằm thực hiện dự án hoạt động kinh doanh là các chi phí có sử dụng nguồn vốn vay của tổ chức tín dụng theo phương án sử dụng vốn đã gửi tổ chức tín dụng để được xem xét cho vay trung, dài hạn nhằm thực hiện dự án hoạt động kinh doanh đó.

Như vậy, so với quy định tại Thông tư 39/2016/TT-NHNN thì tại Thông tư 06/2023/TT-NHNN bổ sung thêm 04 nhu cầu vốn không được cho vay.

Thông tư 06/2023/TT-NHNN có hiệu lực thi hành từ ngày 01/9/2023.

21. Các bước thực hiện một cuộc đấu giá biển số xe ô tô:

Ngày 26/6/2023, Chính phủ ban hành Nghị định 39/2023/NĐ-CP hướng dẫn Nghị quyết 73/2022/QH15 về thí điểm đấu giá biển số xe ô tô, trong đó hướng dẫn các bước thực hiện một cuộc đấu giá biển số xe ô tô. Theo đó, một cuộc đấu giá biển số xe ô tô sẽ được thực hiện qua các bước như sau:

- Đăng ký tham gia đấu giá:
- + Thực hiện việc đăng ký tham gia đấu giá biển số xe ô tô qua Trang thông tin đấu giá trực tuyến của tổ chức đấu giá tài sản;
- + Người tham gia đấu giá được cấp một tài khoản truy cập, được hướng dẫn về cách sử dụng tài khoản, cách trả giá và các nội dung khác trên Trang thông tin đấu giá trực tuyến để thực hiện việc đấu giá;
- + Lựa chọn biển số xe ô tô theo nhu cầu trong danh sách biển số xe ô tô đưa ra đấu giá.
- + Nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước của biển số xe ô tô đã lựa chọn tham gia đấu giá vào tài khoản của tổ chức đấu giá tài sản. Sau đó, tổ chức đấu giá cấp mã số tham gia đấu giá của cuộc đấu giá biển số xe ô tô cho người tham gia đấu giá.
- + Tổ chức đấu giá tài sản có trách nhiệm tiếp nhận thông tin đăng ký tham gia đấu giá và tiền đặt trước liên tục kể từ ngày niêm yết việc đấu giá tài sản cho đến trước thời điểm tổ chức đấu giá 03 ngày.
- Người tham gia đấu giá truy cập vào Trang thông tin đấu giá trực tuyến bằng tài khoản truy cập của mình và thực hiện thủ tục đấu giá theo Quy chế đấu giá.
- Trang thông tin đấu giá trực tuyến xác định người trúng đấu giá tại thời điểm kết thúc cuộc đấu giá trực tuyến, thông báo kết quả cuộc đấu giá, hiển thị biên bản đấu giá để người trúng đấu giá xác nhận, gửi vào hòm thư điện tử của người tham gia đấu giá đã đăng ký trước đó.
- Đấu giá viên chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện cuộc đấu giá trực tuyến, xác thực vào biên bản đấu giá bằng chữ ký số để gửi cho người trúng đấu giá.
- Bộ Công an phân công cán bộ theo dõi, giám sát quá trình tổ chức đấu giá: số lượng đấu giá viên, số lượng người tham gia đấu giá, kết quả đấu giá và các vấn đề khác có liên quan.

Lưu ý: Các trình tự, thủ tục đấu giá không được quy định tại Nghị định 39/2023/NĐ-CP thì thực hiện theo quy định của Luật Đấu giá tài sản 2016.

Thời hạn nộp tiền trúng đấu giá biển số xe ô tô

Trong vòng 15 ngày kể từ khi có thông báo kết quả đấu giá thì người trúng đấu giá phải nộp toàn bộ tiền trúng đấu giá sau khi đã trừ số tiền đặt trước vào tài khoản chuyên thu của Bộ Công an.

Lưu ý: Tiền trúng đấu giá sẽ không bao gồm lệ phí đăng ký xe.

Xem nội dung chi tiết tại Nghị định 39/2023/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/7/2023.

22. Quy định mới về hồ sơ miễn thuế TNCN từ chuyển nhượng bất động sản:

Quy định mới về hồ sơ miễn thuế TNCN từ chuyển nhượng bất động sản là nội dung đáng chú ý tại Thông tư 43/2023/TT-BTC sửa đổi các Thông tư quy định liên quan đến nộp, xuất trình và khai thông tin về đăng ký sổ hộ khẩu, sổ tạm trú hoặc giấy tờ có yêu cầu xác nhận của địa phương nơi cư trú khi thực hiện các chính sách hoặc TTHC thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước. Theo đó, sửa đổi, bổ

sung khoản 1 Điều 53 Thông tư 80/2021/TT-BTC về thủ tục miễn thuế đối với trường hợp chuyển nhượng, thừa kế, quà tặng là bất động sản giữa vợ với chồng; giữa cha đẻ, mẹ đẻ với con đẻ; cha nuôi, mẹ nuôi với con nuôi; giữa mẹ chồng, cha chồng với con dâu; giữa bố vợ, mẹ vợ với con rể; giữa ông nội, bà nội với cháu nội; giữa ông bà ngoại với cháu ngoại; giữa anh chị em ruột với nhau.

Hồ sơ miễn thuế bao gồm Tờ khai thuế thu nhập cá nhân mẫu số 03/BDS-TNCN ban hành kèm theo phụ lục II Thông tư Thông tư 80/2021/TT-BTC.

Cơ quan thuế có trách nhiệm khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định để giải quyết thủ tục miễn thuế cho người nộp thuế;

Trường hợp không thể khai thác thông tin về cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì người nộp thuế cung cấp các giấy tờ liên quan đến việc xác định đối tượng được miễn thuế theo từng trường hợp, đơn cử như sau:

- Đối với bất động sản chuyển nhượng, thừa kế, quà tặng giữa vợ với chồng cần một trong các giấy tờ sau:

+ Xác nhận thông tin về cư trú hoặc Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

+ Hoặc bản sao Giấy chứng nhận kết hôn.

+ Hoặc Quyết định của Tòa án xử lý hôn, tái hôn (đối với trường hợp chia nhà do ly hôn; hợp nhất quyền sở hữu do tái hôn).

- Đối với bất động sản chuyển nhượng, thừa kế, quà tặng giữa cha đẻ, mẹ đẻ với con đẻ cần có một trong các giấy tờ sau:

+ Xác nhận thông tin về cư trú hoặc thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

+ Hoặc bản sao Giấy khai sinh.

+ Trường hợp con ngoài giá thú thì phải có bản sao Quyết định công nhận việc nhận cha, mẹ, con của cơ quan có thẩm quyền.

- Đối với bất động sản chuyển nhượng, thừa kế, quà tặng giữa cha nuôi, mẹ nuôi với con nuôi cần có một trong các giấy tờ sau:

+ Xác nhận thông tin về cư trú hoặc Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

+ Hoặc bản sao Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi của cơ quan có thẩm quyền.

- Đối với bất động sản chuyển nhượng, thừa kế, quà tặng giữa ông nội, bà nội với cháu nội cần có giấy tờ sau:

+ Bản sao Giấy khai sinh của cháu nội và bản sao Giấy khai sinh của bố cháu nội;

+ Hoặc Xác nhận thông tin về cư trú hoặc Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư có thể hiện mối quan hệ giữa ông nội, bà nội với cháu nội;

+ Hoặc các giấy tờ khác có xác nhận của cơ quan cấp có thẩm quyền về mối quan hệ giữa ông, bà nội và cháu nội.

- Đối với bất động sản chuyển nhượng, thừa kế, quà tặng giữa ông ngoại, bà ngoại với cháu ngoại cần có giấy tờ sau:

+ Bản sao Giấy khai sinh của cháu ngoại và bản sao Giấy khai sinh của mẹ cháu ngoại;

+ Hoặc Xác nhận thông tin về cư trú hoặc Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư có thể hiện mối quan hệ giữa ông ngoại, bà ngoại với cháu ngoại;

+ Hoặc các giấy tờ khác có xác nhận của cơ quan cấp có thẩm quyền chứng minh mối quan hệ giữa ông, bà ngoại và cháu ngoại.

Xem nội dung chi tiết tại Thông tư 43/2023/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 27/6/2023.

23. Đề xuất nhu cầu sử dụng OneTouch để đào tạo về chuyển đổi số:

Bộ TT&TT ban hành Công văn 2405/BTTTT-CĐSQG ngày 26/6/2023 về đề xuất nhu cầu sử dụng Nền tảng học trực tuyến mở đại trà để triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số. Theo đó, trong năm 2023, tiếp tục phát huy tính hiệu quả và ưu việt của hình thức triển khai trên, Bộ TT&TT tiếp tục tổ chức các khóa bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số (dự kiến 12 khoá) cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước và trong các cơ quan báo chí, truyền thông.

Bộ TT&TT đề nghị các bộ, ngành, địa phương phối hợp chặt chẽ trong quá trình triển khai các khóa học này (Kế hoạch chi tiết Bộ sẽ có Văn bản thông báo tới từng cơ quan, địa phương).

Bên cạnh các khóa học do Bộ TT&TT tổ chức, theo đề nghị hỗ trợ của một số địa phương, Bộ TT&TT sẽ tiếp tục hỗ trợ cho các bộ, ngành, địa phương sử dụng Nền tảng OneTouch trong năm 2023, cụ thể:

- Bộ TT&TT sẽ cấp tài khoản quản trị, tài nguyên và không gian trên Nền tảng OneTouch cho mỗi bộ, ngành, địa phương (từ 20.000 đến 40.000 tài khoản học viên); hướng dẫn để các cơ quan chủ động tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn trên Nền tảng.

Đề nghị các bộ, ngành, địa phương gửi nhu cầu cụ thể (dự kiến số lượng các khóa học và tổng số cán bộ học viên được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn trên Nền tảng trong năm 2023) và thông tin cán bộ đầu mối phối hợp (họ tên, điện thoại di động, thư điện tử liên hệ) về Bộ TT&TT trước ngày 10/7/2023 (thứ Hai) để tổng hợp.

- Các bộ, ngành, địa phương chủ động tạo khóa học, xây dựng nội dung bài giảng và học liệu điện tử, tạo tài khoản học viên và quản lý quá trình học tập của học viên trên Nền tảng.

- Các bộ, ngành, địa phương thực hiện tổng kết, đánh giá kết quả triển khai và gửi báo cáo tổng kết, đánh giá về Bộ TT&TT trong tháng 12/2023.

Trong các năm tiếp theo, các bộ, ngành, địa phương chủ động cân đối nguồn lực, tổ chức triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn của cơ quan, đơn vị mình trên các Nền tảng học trực tuyến mở đại trà, bảo đảm hiệu quả, thiết thực, sớm hoàn thành mục tiêu đặt ra tại Đề án.

Xem thêm Công văn 2405/BTTTT-CĐSQG ban hành ngày 26/6/2023.

24. Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã năm 2024:

Ngày 23/6/2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Công văn 4879/BKHĐT-KTHT về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã năm 2024. Theo đó, nội dung kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã năm 2024 gồm có:

(1) Dự báo những thuận lợi, khó khăn

Dự báo những yếu tố ảnh hưởng tới phát triển KTTT; những thuận lợi, khó khăn tác động đến khu vực KTTT, HTX.

(2) Định hướng chung về phát triển KTTT, HTX

Căn cứ mục tiêu tổng quát, các bộ, ngành, địa phương xác định định hướng chung phát triển kinh tế tập thể năm 2024 về các mặt:

- Đa dạng về quy mô và lĩnh vực hoạt động của HTX, LH HTX, THT;
- Thu hút người dân, tổ chức, doanh nghiệp tham gia hoặc liên kết với hợp tác xã: hoàn thiện khung pháp lý về hợp tác xã, tạo môi trường thuận lợi cho khu vực kinh tế tập thể phát triển.

(3) Mục tiêu tổng quát

- Khuyến khích phát triển mới các tổ chức kinh tế tập thể, đa dạng về quy mô và lĩnh vực hoạt động;
- Hỗ trợ phát triển các mô hình hợp tác xã hoạt động có hiệu quả, trở thành kiểu mẫu để nhân rộng và thu hút người dân, tổ chức, doanh nghiệp tham gia hoặc liên kết với hợp tác xã;
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về kinh tế tập thể, hợp tác xã;
- Xây dựng môi trường hoạt động, sản xuất kinh doanh lành mạnh, bảo đảm lợi ích hợp pháp của các thành viên.

(4) Một số mục tiêu cụ thể

Căn cứ mục tiêu tổng quát, định hướng chung về phát triển KTTT, các Bộ, ngành, địa phương cần cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể của Bộ, ngành, địa phương mình về phát triển KTTT, chủ yếu tập trung theo các vấn đề sau:

- Các chỉ tiêu định hướng phát triển:
 - + Số lượng HTX, LH HTX, THT;
 - + Số lượng thành viên HTX, LH HTX, THT;
 - + Doanh thu bình quân của HTX, LH HTX, THT;
 - + Thu nhập bình quân của người lao động trong HTX, LH HTX, THT;
 - + Tỷ lệ cán bộ HTX đạt trình độ sơ, trung cấp, cao đẳng, đại học.
- Xác định tiềm năng về ngành nghề, lĩnh vực hoạt động, địa bàn của khu vực KTTT trong quá trình tái cơ cấu nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình phát triển theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của khu vực này phù hợp với đặc điểm kinh tế, tự nhiên, xã hội của ngành, địa phương mình.
- Xác định những chỉ tiêu hoạt động của khu vực KTTT:
 - + Tăng năng suất, giảm giá thành, tăng sức cạnh tranh, nâng cao năng lực hoạt động của các HTX;
 - + Cải thiện đời sống thành viên và cộng đồng;
 - + Tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống, tăng cường tình đoàn kết xã hội trên cơ sở cùng chia sẻ lợi ích lâu dài giữa các thành viên HTX, LH HTX, THT.
- Xây dựng, hoàn thiện và ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Hợp tác xã.

(5) Các giải pháp phát triển kinh tế tập thể năm 2024

Các Bộ, ngành, địa phương căn cứ điều kiện cụ thể của bộ, ngành, địa phương mình đề xuất các giải pháp, chính sách phát triển KTTT, HTX.

Xem nội dung chi tiết tại Công văn 4879/BKHĐT-KTHT ngày 23/6/2023.

25. Sửa đổi thủ tục khai trương hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng:

Ngày 22/6/2023, Thống đốc NHNN ban hành Thông tư 05/2023/TT-NHNN sửa đổi Thông tư 30/2015/TT-NHNN quy định cấp Giấy phép, tổ chức và

hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, trong đó sửa đổi thủ tục khai trương hoạt động của tổ chức tín dụng. Theo đó, thủ tục khai trương hoạt động của tổ chức tín dụng như sau:

- Tổ chức tín dụng phi ngân hàng được cấp Giấy phép chỉ được tiến hành hoạt động kể từ ngày khai trương hoạt động.

- Để khai trương hoạt động, tổ chức tín dụng phi ngân hàng được cấp Giấy phép phải có đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật các tổ chức tín dụng.

- Tổ chức tín dụng phi ngân hàng được cấp Giấy phép gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng và Ngân hàng Nhà nước (Bộ phận Một cửa) văn bản thông báo về việc đã đáp ứng các điều kiện khai trương hoạt động ít nhất 15 ngày trước ngày dự kiến khai trương hoạt động.

(Trong khi đó, theo Thông tư 30/2015/TT-NHNN, tổ chức tín dụng phi ngân hàng được cấp Giấy phép gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp văn bản thông báo về việc đã đáp ứng các điều kiện khai trương hoạt động ít nhất 15 ngày trước ngày dự kiến khai trương hoạt động theo quy định sau đây:

- + Tổ chức tín dụng phi ngân hàng đặt trụ sở chính nơi có Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng (đối với địa bàn có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng) nộp tại Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng (đối với địa bàn có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng);

- + Tổ chức tín dụng phi ngân hàng đặt trụ sở chính nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng nộp tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố)

- Tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải tiến hành khai trương hoạt động trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép; quá thời hạn này mà không khai trương hoạt động thì Ngân hàng Nhà nước thu hồi Giấy phép.

Thông tư 05/2023/TT-NHNN có hiệu lực từ ngày 06/8/2023.

26. Tăng 12,5% đến 20,8% lương hưu từ 01/7/2023 với 09 nhóm đối tượng:

Ngày 29/6/2023, Chính phủ ban hành Nghị định 42/2023/NĐ-CP điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng. Theo đó, tăng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng từ 12,5% đến 20,8% từ 01/7/2023 với các đối tượng sau:

- Cán bộ, công chức, công nhân, viên chức và người lao động (kể cả người có thời gian tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, người nghỉ hưu từ quỹ bảo hiểm xã hội nông dân Nghệ An chuyển sang theo Quyết định 41/2009/QĐ-TTg), quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu đang hưởng lương hưu hằng tháng.

- Cán bộ xã, phường, thị trấn quy định tại Nghị định 92/2009/NĐ-CP, Nghị định 34/2019/NĐ-CP, Nghị định 121/2003/NĐ-CP và Nghị định 09/1998/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định 50/CP ngày 26/7/1995.

- Người đang hưởng trợ cấp mất sức lao động hằng tháng theo quy định của pháp luật; người đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo Quyết định 91/2000/QĐ-TTg, Quyết định 613/QĐ-TTg, công nhân cao su đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo Quyết định 206-CP ngày 30/5/1979.

- Cán bộ xã, phường, thị trấn đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo Quyết định 130-CP ngày 20/6/1975 và Quyết định 111-HĐBT ngày 13/10/1981.

- Quân nhân đang hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng theo Quyết định 142/2008/QĐ-TTg (được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định 38/2010/QĐ-TTg).

- Công an nhân dân đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo Quyết định 53/2010/QĐ-TTg.

- Quân nhân, công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo Quyết định 62/2011/QĐ-TTg.

- Người đang hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng tháng.

- Người đang hưởng trợ cấp tuất hằng tháng trước ngày 01/01/1995.

Các đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản 1 Điều 1 Nghị định 42/2023/NĐ-CP nghỉ hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng trước ngày 01/01/1995, sau khi thực hiện điều chỉnh theo quy định có mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng dưới 3.000.000 đồng/tháng.

Mức điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội từ 01/7/2023

Theo đó, từ ngày 1/7/2023, mức hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng được điều chỉnh như sau:

- Tăng thêm 12,5% trên mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng của tháng 6/2023 với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định 42/2023/NĐ-CP đã được điều chỉnh theo Nghị định 108/2021/NĐ-CP.

- Tăng thêm 20,8% trên mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng của tháng 6 năm 2023 đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định 42/2023/NĐ-CP chưa được điều chỉnh theo Nghị định 108/2021/NĐ-CP.

Từ ngày 1/7/2023, các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định 42/2023/NĐ-CP, sau khi điều chỉnh có mức hưởng thấp hơn 3.000.000 đồng/tháng thì được tăng thêm như sau:

- Tăng thêm 300.000 đồng/người/tháng đối với những người có mức hưởng dưới 2.700.000 đồng/người/tháng;

- Tăng lên bằng 3.000.000 đồng/người/tháng đối với những người có mức hưởng từ 2.700.000 đồng/người/tháng đến dưới 3.000.000 đồng/người/tháng.

Nghị định 42/2023/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 14/8/2023, các quy định tại Nghị định 42/2023/NĐ-CP được thực hiện từ ngày 1/7/2023.

27. Giảm lệ phí cấp hộ chiếu và 35 khoản phí, lệ phí khác từ 01/7/2023 - 31/12/2023:

Ngày 29/6/2023, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư 44/2023/TT-BTC quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp, trong đó, phí cấp hộ chiếu và 35 khoản phí, lệ phí khác. Theo đó, ngày 01/7/2023, giảm 20% mức thu lệ phí cấp hộ chiếu, giấy thông hành, giấy phép xuất cảnh, tem AB.

Đồng thời, giảm từ 10% - 50% mức thu đối với 35 khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp, đơn cử như:

- Lệ phí cấp căn cước công dân;
- Phí khai thác và sử dụng dữ liệu về môi trường;
- Lệ phí cấp chứng nhận (chứng chỉ) năng lực hoạt động xây dựng chi tổ chức; Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề trong hoạt động xây dựng cho cá nhân;
- Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng;
- Phí thẩm định thiết kế kỹ thuật (phí thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở); Phí thẩm định dự toán xây dựng;

- Phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; Phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch;
- Phí khai thác, sử dụng nguồn nước do cơ quan trung ương thực hiện;
- Phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn;
- Phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán;
- Phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự; giấy chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm mật mã dân sự; giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự;
- Phí kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy;
- Phí thẩm định phê duyệt thiết kế phòng cháy và chữa cháy;...

Thời gian thực hiện giảm 10 – 50% lệ phí, phí nêu trên là từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023.

Kể từ ngày 01/01/2024 trở đi, mức thu các khoản phí, lệ phí quy định tại Biểu nêu trên thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

Thông tư 44/2023/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023.

28. Chính thức giảm thuế GTGT xuống 8% từ 01/7/2023:

Ngày 30/6/2023, Chính phủ ban hành Nghị định 44/2023/NĐ-CP quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết 101/2023/QH15. Theo đó, mức giảm thuế GTGT áp dụng từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023 theo Nghị định 44/2023/NĐ-CP như sau:

- Cơ sở kinh doanh tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10%, trừ nhóm hàng hóa, dịch vụ sau:

+ Viễn thông, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, kim loại và sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, sản phẩm khai khoáng (không kể khai thác than), than cốc, dầu mỏ tinh chế, sản phẩm hoá chất. Chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 44/2023/NĐ-CP.

+ Sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt. Chi tiết tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 44/2023/NĐ-CP.

+ Công nghệ thông tin theo pháp luật về công nghệ thông tin. Chi tiết tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 44/2023/NĐ-CP.

+ Việc giảm thuế giá trị gia tăng cho từng loại hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định 44/2023/NĐ-CP được áp dụng thống nhất tại các khâu nhập khẩu, sản xuất, gia công, kinh doanh thương mại.

Đối với mặt hàng than khai thác bán ra (bao gồm cả trường hợp than khai thác sau đó qua sàng tuyển, phân loại theo quy trình khép kín mới bán ra) thuộc đối tượng giảm thuế giá trị gia tăng. Mặt hàng than thuộc Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 44/2023/NĐ-CP, tại các khâu khác ngoài khâu khai thác bán ra không được giảm thuế giá trị gia tăng.

Các tổng công ty, tập đoàn kinh tế thực hiện quy trình khép kín mới bán ra cũng thuộc đối tượng giảm thuế giá trị gia tăng đối với mặt hàng than khai thác bán ra.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ nêu tại các Phụ lục I, II và III ban hành kèm theo Nghị định 44/2023/NĐ-CP thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng hoặc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng 5% theo quy định của Luật Thuế giá trị

gia tăng thì thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng và không được giảm thuế giá trị gia tăng.

- Cơ sở kinh doanh (bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh) tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp tỷ lệ % trên doanh thu được giảm 20% mức tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng khi thực hiện xuất hóa đơn đối với hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế giá trị gia tăng quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định 44/2023/NĐ-CP.

Xem thêm Nghị định 44/2023/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023.

29. Tổng cục Hải quan hướng dẫn thực hiện giảm thuế GTGT theo Nghị định 44:

Tổng cục Hải quan hướng dẫn thực hiện giảm thuế GTGT theo Nghị định 44/2023/NĐ-CP là nội dung được đề cập tại Công văn 3431/TCHQ-TXNK ngày 30/6/2023.

Ngày 30/06/2023, Chính phủ đã ban hành Nghị định 44/2023/NĐ-CP quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết 101/2023/QH15 và có hiệu lực từ ngày 01/07/2023.

Theo đó, Tổng cục Hải quan yêu cầu các Cục Hải quan, các Chi cục trực thuộc, người khai hải quan làm thủ tục hải quan trên địa bàn quản lý triển khai hướng dẫn thực hiện các nội dung liên quan đến việc giảm thuế GTGT theo Nghị định 44/2023/NĐ-CP trong lĩnh vực Hải quan như sau:

- Về chính sách giảm thuế giá trị gia tăng (GTGT):

+ Việc giảm 2% thuế suất thuế GTGT đối với các nhóm hàng hóa đang áp dụng mức thuế suất 10% (còn 8%), trừ một số nhóm hàng hóa sau: viễn thông, công nghệ thông tin, kim loại, sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, sản phẩm khai khoáng (không kể khai thác than), than cốc, dầu mỏ tinh chế, sản phẩm hoá chất, sản phẩm hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định 44/2023/NĐ-CP

+ Các mặt hàng không được giảm thuế GTGT được quy định cụ thể tại Phụ lục I, II và III ban hành kèm theo Nghị định 44/2023/NĐ-CP.

- Về Danh mục hàng hóa không được giảm thuế GTGT:

+ Đối với mã số HS ở cột (10) Phụ lục I, cột (10) Phần A và cột (4) Phần B Phụ lục III chỉ để tra cứu. Việc xác định mã số HS đối với hàng hoá thực tế nhập khẩu thực hiện theo quy định về phân loại hàng hoá tại Luật Hải quan và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Hải quan.

+ Các dòng hàng có ký hiệu (*) ở cột (10) Phụ lục I, cột (10) Phần A và cột (4) Phần B Phụ lục III, thực hiện khai mã HS theo thực tế hàng hóa nhập khẩu.

Xem thêm nội dung tại Công văn 3431/TCHQ-TXNK ngày 30/6/2023.

30. Những nội dung kết luận thanh tra phải được công khai:

Ngày 30/6/2023, Chính phủ ban hành Nghị định 43/2023/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra, trong đó quy định những nội dung kết luận thanh tra phải được công khai. Theo đó, kết luận thanh tra phải được công khai toàn văn, trừ nội dung trong kết luận thanh tra thuộc bí mật nhà nước, bí mật ngân hàng, bí mật kinh doanh theo quy định của pháp luật không được không khai.

Hình thức công khai kết luận thanh tra

Việc đăng tải kết luận thanh tra trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan thanh tra, cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành, cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp phải được thực hiện ít nhất 15 ngày liên tục.

Ngoài việc công khai kết luận thanh tra theo định trên, người ra kết luận thanh tra lựa chọn ít nhất một trong các hình thức sau:

- Công bố tại cuộc họp với thành phần gồm người ra quyết định thanh tra hoặc người được ủy quyền, đại diện Đoàn thanh tra, đối tượng thanh tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

- Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng (bao gồm báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử). Thời gian thông báo trên báo in, báo nói, báo hình ít nhất là 02 lần liên tục, việc thông báo trên báo điện tử phải nói thực hiện ít nhất 15 ngày liên tục;

- Việc niêm yết kết luận thanh tra trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức là đối tượng thanh tra đối tượng thanh tra thực hiện. Thời gian niêm yết ít nhất là 15 ngày liên tục.

Căn cứ kiểm tra, quyết định kiểm tra thực hiện kết luận thanh tra

Người ra quyết định thanh tra quyết định kiểm tra khi có một trong các căn cứ sau đây:

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra không báo cáo hoặc báo cáo không đầy đủ theo yêu cầu của người theo dõi, đôn đốc;

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân đã được đôn đốc nhưng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra;

- Đối tượng có hành vi cản trở, tẩu tán tài sản, tiêu hủy tài liệu, không hợp tác thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra.

Chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày ký, quyết định kiểm tra phải được gửi cho đối tượng kiểm tra. Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày ký quyết định kiểm tra, người có nhiệm vụ kiểm tra phải tiến hành kiểm tra.

Xem thêm nội dung chi tiết tại Nghị định 43/2023/NĐ-CP có hiệu lực ngày 15/8/2023.

31. Yêu cầu về kỹ thuật thể hiện sơ đồ, bản đồ quy hoạch tổng thể quốc gia:

Ngày 26/6/2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư 04/2023/TT-BKHĐT hướng dẫn yêu cầu nội dung và kỹ thuật của cơ sở dữ liệu hồ sơ quy hoạch và sơ đồ, bản đồ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh. Theo đó, sơ đồ, bản đồ quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật sau:

- Vị trí, phạm vi ranh giới, hướng tuyến của các đối tượng địa lý được thể hiện trên sơ đồ, bản đồ quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh phải đảm bảo phù hợp với các căn cứ pháp lý liên quan và tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và các quy định liên quan.

Trường hợp chưa đủ căn cứ pháp lý xác định chính xác vị trí, phạm vi ranh giới, hướng tuyến của đối tượng địa lý quy hoạch, thì thể hiện ký hiệu về vị trí phạm vi ranh giới, hướng tuyến của đối tượng địa lý trên sơ đồ, bản đồ quy hoạch.

Đồng thời, vị trí, phạm vi ranh giới, hướng tuyến chính xác của các đối tượng địa lý trong quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh phải được cụ thể hóa trong quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, hoặc

trong giai đoạn lập, thẩm định, chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư của các chương trình, dự án.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được phân công nhiệm vụ lập quy hoạch chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính đầy đủ và tuân thủ đúng quy định của nội dung và kỹ thuật thể hiện sơ đồ, bản đồ quy hoạch thuộc phạm vi quản lý.

- Bộ cục trình bày, hệ thống ký hiệu sơ đồ, bản đồ quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thực hiện theo quy định tại Phụ lục II kèm theo Thông tư 04/2023/TT-BKHĐT.

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được bổ sung các nội dung của sơ đồ, bản đồ và ký hiệu, chú giải thuyết minh của Phụ lục I và Phụ lục II của Thông tư 04/2023/TT-BKHĐT để thể hiện nội dung quy hoạch đã được quyết định hoặc phê duyệt và bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật về quy hoạch, pháp luật có liên quan.

Xem chi tiết tại Thông tư 04/2023/TT-BKHĐT có hiệu lực từ ngày 10/8/2023.

Trên đây là một số quy định mới được các cơ quan nhà nước cấp trên ban hành. Phòng Tư pháp thành phố đề nghị các cơ quan, đơn vị thành phố, UBND các xã, phường quan tâm phối hợp tuyên truyền, thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố;
- Ban Tuyên giáo Thành ủy;
- Thành viên HĐPHPBGPL tp;
- Cổng Thông tin điện tử tp;
- Trung tâm VH-TT-TT tp;
- Phòng Văn hóa và Thông tin tp;
- UBND các xã, phường;
- Các trường THPT trên địa bàn tp;
- Trường THPT Chuyên Lào Cai;
- Trường THPT Dân tộc nội trú Lào Cai;
- Lưu: VT.(Hung)

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Đàm Thị Phụng